

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ - ST

Ngày 15-01-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sầm Thị Minh Khuyên.

2. Bà Hoàng Thị Thanh Tâm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLST - HNGĐ, ngày 04/10/2023 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55a/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, thông báo mở lại phiên tòa số 152/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai anh Bùi Văn H trình bày: Anh và Chị Phạm Thị H1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại ủy ban nhân dân xã N, huyện V vào ngày 25/9/2015. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn T, xã N, huyện V, vợ chồng chung sống đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi, đánh nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, từ ngày 08/8/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với chị Phạm Thị H1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Tiến T, sinh ngày 16/6/2016 và Bùi Tuệ N1, sinh ngày 29/7/2018. Sau ly hôn Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Bùi Tiến T, còn đề chị H1 trực tiếp nuôi con chung Bùi Tuệ N1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Bùi Tiến T đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với anh Bùi Văn H.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Phạm Thị H1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với Trưởng Thôn T, xã N cho biết: Anh H, chị H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã N, huyện V. Sau khi kết hôn Anh H, chị H1 sống cùng nhau tại Thôn T, xã N. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, xích mích cãi vã nhau thường xuyên. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và sau đó đi làm ăn xa thi thoảng về nhà bố mẹ để tại địa phương; về con chung Anh H và chị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Tiến T và cháu Bùi Tuệ N1. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay Anh H nuôi dưỡng cháu T còn chị H1 nuôi dưỡng cháu N1. Tại địa phương Anh H có công việc trồng trọt, chăn nuôi có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng. Chị H1 là lao động tự do với loại hình công việc này ở địa phương có mức thu nhập 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H1. Về con chung: Giao con chung Bùi Tiến T cho anh Bùi Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Bùi Tuệ N1 cho chị Phạm Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa chị Phạm Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do, anh Bùi Văn H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 25/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, Anh H xác định nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nội ngoại hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được, từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chính quyền địa phương xác nhận, quá trình chung sống vợ chồng Anh H chị H1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, xích mích cãi vã nhau thường xuyên. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của Anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của Anh H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh H và chị H1 có 02 con chung là Bùi Tiến T, sinh ngày 16/6/2016 và Bùi Tuệ N1, sinh ngày 29/7/2018. Con chung Bùi Tiến T đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với bố và hiện nay cháu T đang do Anh H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Bùi Tuệ N1 đang do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy để không làm xáo trộn nếp sống, đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát lành mạnh về thể chất, trí tuệ, nên việc giao con chung Bùi Tiến T cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Tuệ N1 chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 16/6/2016; Giao cho chị Phạm Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Tuệ N1, sinh ngày 29/7/2018. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2022/0001338 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H, chị Phạm Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự; UBND xã N
- (ĐKKH số 47 ngày 25/9/2015);
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh